TÒA ÁN NHÂN DÂN **TỈNH HẢI DƯƠNG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 27A/2019/HNGĐ-ST
Ngày: 19/4/2019
V/v tranh chấp ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH HẢI DƯƠNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Chất

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Dương Thị Kim Hồng

Ông Nguyễn Văn Khóa

- Thư ký phiên tòa: Bà Vũ Thị Mai Trang - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Hải Dương.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hải Dương tham gia phiên tòa: Bà Hà Thị Hiệp - Kiểm sát viên.

Ngày 19 tháng 4 năm 2019 tại trụ sở TAND tỉnh Hải Dương xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 36/2018/TLST-HNGĐ ngày 29/3/2018 về việc tranh chấp ly hôn. Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 14/2019/QĐXXST-HNGĐ ngày 26/02/2019 và Quyết định hoãn phiên tòa giữa:

- Nguyên đơn: Bà Nguyễn Thị T, sinh năm 1973(vắng mặt);

Nơi cư trú trước khi xuất cảnh: Đội 14, Thôn X, xã Đ, huyện N, tỉnh Hải Dương;

Địa chỉ hiện nay: 21 VRBNO NADLESY, 44001 LouNY, Cezch;

- Bị đơn: Ông Nguyễn Trọng D, sinh năm 1970 (vắng mặt);

Nơi ĐKHKTT: Đội 14, Thôn X, xã Đ, huyện N, tỉnh Hải Dương;

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, nguyên đơn bà Nguyễn Thị T trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Bà và ông Nguyễn Trọng D kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký tại UBND xã Đ, huyện N vào ngày 24/02/1997. Vợ chồng chung sống hạnh phúc từ thời điểm đó đến năm 2004, khi bà T đi lao động nước ngoài thì phát sinh mâu thuẫn. nguyên nhân do ông D có mối quan hệ với người phụ nữ khác, bà có khuyên bảo nhưng ông D không thay đổi. Nay bà nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn, thời gian sống ly thân đã lâu, mục đích hôn nhân không đạt được nên đề nghị Tòa án giải quyết cho bà được ly hôn với ông Nguyễn Trọng D.

Về con chung:Vợ chồng có 01 con chung là Nguyễn Trọng T, sinh năm 1997, hiện cháu T đã lớn nên bà không yêu cầu Tòa án giải quyết về nuôi con chung.

Về tài sản chung: Vợ chồng không có tài sản chung, không nợ ai, không ai nợ vợ chồng nên bà không đề nghị Tòa án giải quyết.

Tại biên bản lấy lời khai ngày 05/3/2019, cụ Nguyễn Trọng N và cụ Phan Thị H (là bố mẹ đẻ của ông D) trình bày:

Về thời gian kết hôn, con chung và tài sản chung đúng như bà T trình bày. Nguyên nhân vợ chồng dẫn đến mâu thuẫn là do ông D muốn cho bà T vào trong Nam làm ăn cùng nhưng bà T không đồng ý mà bà lại có ý định sang Cộng hòa Séc để làm ăn, từ thời điểm đó vợ chồng xa cách không quan tâm đến nhau, dẫn đến phát sinh mâu thuẫn. Hiện ông D vẫn có hộ khẩu thường trú tại xã Đ, tuy nhiên ông đi lao động trong miền Nam, ông vẫn liên lạc về nhà nhưng không cho gia đình biết địa chỉ cụ thể. Những văn bản tố tụng Tòa án gửi cho ông D, cụ N và cụ H đã nhận và cam đoan sẽ thông báo và giao lại cho ông D. Sau đó tòa án tiến hành xác minh thì thấy gia đình cụ N cụ H đã thông báo văn bản tố tụng của Tòa án cho ông D nhưng không thấy ông D đến tòa hoặc có ý kiến.

Do đang sinh sống tại Cộng hòa Séc nên không thể tham gia tố tụng tại Tòa án, bà T đã có đơn xin xử vắng mặt, giấy ủy quyền, những văn bản này đều có xác nhận của Đại sứ quán Việt Nam tại Cộng hòa Séc.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hải Dương tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến. Thẩm phán, Thư ký, Hội đồng xét xử và người tham gia tố tụng chấp hành đúng quy định của pháp luật tố tụng từ khi thụ lý vụ án đến trước khi nghị án. Căn cứ vào các chứng cứ, tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, đề nghị HĐXX giải quyết cho bà T được ly hôn ông D.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các chứng cứ, tài liệu có trong hồ sơ vụ án và ý kiến phát biểu của Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hải Dương. Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1]. Về tố tụng:

[1.1] *Về thẩm quyền giải quyết vụ án*: Bà T khởi kiện yêu cầu ly hôn với ông D đến TAND tỉnh Hải Dương, bà T hiện đang sinh sống tại Cộng hòa Séc nên TAND tỉnh Hải Dương thụ lý giải quyết là đúng theo quy định tại khoản 1 Điều 28, khoản 3 Điều 35, Điều 37 Bộ luật tố tụng dân sự.

[1.2] Tại phiên tòa vắng mặt bà T nhưng có đơn đề nghị xét xử vắng mặt. Đối với ông D, Tòa án đã tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng của Tòa án cho ông D thông qua cụ N, cụ H là bố mẹ ông D, hai cụ đã thông báo cho ông D. Do vậy, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt ông D, bà T theo thủ tục chung.

[2] Về nội dung:

[2.1] Về quan hệ hôn nhân: Quan hệ hôn nhân giữa bà T và ông D được xây dựng trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại UBND xã Đ nên hôn nhân của ông bà là hợp pháp. Sau khi kết hôn ông bà chung sống hạnh phúc được khoảng 7 năm thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân do bất đồng quan điểm sống, vợ chồng thường xuyên không quan tâm đến nhau, bà T đang ở nước ngoài, còn ông D đi làm ăn xa không cho gia đình và người thân biết địa chỉ, vợ chồng đã sống ly thân trong khoảng thời gian dài. Như vậy có đủ cơ sở xác định tình trạng vợ chồng đã trở lên trầm trọng, cuộc sống không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, nên có căn cứ chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của bà T.

[2.2] Về con chung, tài sản chung và nợ chung vợ chồng: Vợ chồng không yêu cầu nên Tòa án không xem xét giải quyết.

[2.3] Về án phí: Bà T phải chịu án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm theo quy định tại khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ: Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình 2014; Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự 2015; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội:

1. Về quan hệ hôn nhân: Bà Nguyễn Thị T được ly hôn với ông Nguyễn Trọng D.

2. Về án phí: Bà Nguyễn Thị T phải chịu 300.000đ án phí sơ thẩm ly hôn, đối trừ với số tiền 300.000đ tạm ứng án phí bà đã nộp theo biên lai thu số AA/2016/0003210 ngày 26/3/2019 của Cục thi hành án dân sự tỉnh Hải Dương (bà T đã thi hành xong).

Án xử sơ thẩm công khai. Các đương sự có mặt được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, người vắng mặt được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc từ ngày niêm yết bản án theo quy định của pháp luật.

Nơi nhận:
- *VKSND tỉnh Hải Dương;*
- *Cục Thi hành án dân sự tỉnh Hải Dương;*
- *UBND xã Đ, huyện N;*
- *Các đương sự;*
- *Lưu hồ sơ vụ án.*

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà

(Đã ký)

Nguyễn Văn Chất